

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

2

HUYỀN SỬ ĐỜI HÙNG
CON RỒNG CHÁU TIÊN - THÁNH GIÓNG



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
TÔN NỮ QUỲNH TRẦN
Họa sĩ
NGUYỄN TRUNG TÍN



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 2: HUYỀN SỬ ĐỜI HÙNG
CON RỒNG CHÁU TIÊN - THÁNH GIÓNG

Tái bản lần thứ ba

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Huyền sử đời Hùng/ Trần Bạch Đằng chủ biên; Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn; họa sĩ
Nguyễn Trung Tín Tái bản lần thứ 3 TP.HCM: Trẻ, 2013

76tr.: minh họa: 21cm. (Lịch sử Việt Nam bằng tranh; T.2).

1. Triều đại Hồng Bàng, 2879258 trước công nguyên (Truyền thuyết) Sách tranh 2.
Việt Nam Lịch sử Đến 939 Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng. II. Tôn Nữ Quỳnh Trân. III. Ts:
Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Hồng Bang dynasty, 2879258 B.C. (Legendary) Picture books. 2. Vietnam History
To 939 Picture books.

959.7012 — dc 22
H987

LỜI GIỚI THIỆU

Theo di chỉ của các nền văn hóa Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun, Đông Sơn đã cho chúng ta biết rằng: Hùng vương là một giai đoạn có thật trong lịch sử nước ta, đặt nền móng dựng nên nước Văn Lang, mở đầu cho nền văn minh dân tộc.

Thời kỳ này cũng là thời kỳ bắt đầu xuất hiện những chuyện truyền miệng trong dân gian. Đó là sản phẩm của trí tưởng tượng con người trong buổi sơ khai, là sáng tạo của con người trước khi có chữ viết thể hiện những suy nghĩ, khái niệm và ước mơ của người xưa về vũ trụ, muôn vật, con người... Những truyện dân gian ấy, ít nhiều mang bóng dáng thời kỳ mà câu chuyện thể hiện. Đó là những huyền sử.

Những huyền sử ấy được truyền tải trong tập 2 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Huyền sử đời Hùng” phần lời do Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Trung Tín thể hiện.

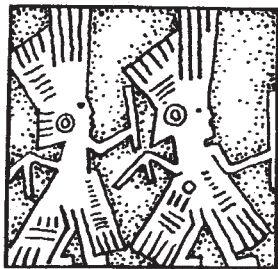
Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 2 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Các câu chuyện huyền sử đã được Lý Tế Xuyên và Trần Thế Pháp đã chép lại những chuyện kể trong dân gian thành sách *Việt điện U linh* và *Lĩnh Nam chích quái* ngay từ thế kỷ XIV, XV. Tất nhiên, huyền sử chưa phải là sử. Các nhà sử học đang cố gắng từ đường dây của huyền sử, khôi phục lại phần nào diễn tiến đã có.

Từ những câu chuyện được các tác giả cố gắng sắp xếp cho đúng trình tự thời gian và kết hợp với các chi tiết lịch sử, các tập tục, các lễ hội dân gian có thật, giúp chúng ta càng thêm tự hào về nguồn gốc con Rồng cháu Tiên, tự hào về non sông đất nước và con người Việt Nam.

CON RỒNG CHÁU TIÊN



TÔN NỮ QUỲNH TRÂN - NGUYỄN TRUNG TÍN

Thuở mới dựng nước, dân Lạc Việt quây quần tại vùng đất Lĩnh Nam hoang sơ. Họ sinh sống bằng nghề đánh cá ở ven sông hoặc tại các hồ lớn. Thủ lĩnh của họ là Lộc Tục, một chàng trai thông minh tài trí và có sức khỏe phi thường.

Vào khoảng năm 2879 trước Công nguyên, Lộc Tục lên làm vua, lấy hiệu là Kinh Dương Vương, đặt tên nước là Xích Quỷ.





Tuy làm chúa tể vùng đất Lĩnh Nam, nhưng Kinh Dương Vương thường dọc ngang sông bể, thưởng ngoạn phong cảnh núi non. Một lần đến hồ Động Đình, gặp con gái chúa hồ là nàng Thần Long nét na chăm chỉ, Kinh Dương Vương đem lòng yêu thương và cưới nàng làm vợ. Ít lâu sau, họ sinh hạ được một con trai, đặt tên là Sùng Lãm. Lớn lên, Sùng Lãm nối nghiệp cha, lấy hiệu là Lạc Long Quân.



Lạc Long Quân có sức khỏe hơn người và nhiều tài biến hóa. Vì có gốc Rồng từ dòng họ mẹ nên Lạc Long Quân thường ở trong động nước (thủy cung) không ở trên cạn thường được. Vì thế mỗi khi gặp khó khăn, dân chúng thường đến trước động nước kêu to lên: “Bô ơi! Ở đâu? Hãy đến với ta!”(*). Thế là Lạc Long Quân xuất hiện để giúp đỡ dân chúng.

* Tiếng mà dân chúng dùng để gọi Lạc Long Quân.

Lúc ấy, xứ sở còn rất hoang dại. Nhiều loài yêu quái lộng hành. Ở vùng biển Đông Nam, có một con cá dữ tợn, sống lâu đời đã thành tinh. Cá có thân dài 50 trượng, đuôi như cánh bướm, há miệng có thể nuốt được cả thuyền bè. Nó tác oai tác quái, làm hại dân chài. Dân chúng rất sợ hãi, gọi nó là Ngư Tinh. Ngư Tinh ở trong một cái hang sâu ăn thông xuống đáy biển. Trên hang là núi đá. Ngư Tinh lấy đá lấp eo biển, gây khó khăn cho thuyền bè đi lại hòng tấn công được dễ dàng.





Có một vị thần thấy quả núi đá lấn biển của Ngư Tinh cản trở việc đi lại của dân chúng. Thương tình, một đêm ông bèn hiện ra, đục núi khoét rộng eo biển, định mở đường. Công việc của thần đang nửa chừng thì Ngư Tinh biết được. Nó liền hóa phép biến thành con gà trắng. Gà bay lên trên đỉnh núi đá, cất ba tiếng gáy; thần đang đào núi, nghe gà gáy, tưởng là đã rạng đông nên vội vàng bay đi. Vì thế, hòn núi vẫn còn tro tro đứng đấy.



Kinh hoàng trước nỗi hiểm nguy, dân chài đến trước động nước kêu to: “Bô ơi! Ở đâu? Ngư Tinh ám hại ta!”. Sau khi đi thăm dò tình hình, Lạc Long Quân bèn cho đóng một chiếc thuyền, rồi nung đỏ một khối sắt, lừng lững tiến đến hang Ngư Tinh. Con ác thú quen thói, há to mồm, định nuốt chửng chiếc thuyền. Lạc Long Quân liền ném khối sắt lửa vào mồm nó. Họng cháy bỏng, con ác thú quay cuồng chống trả, quây sóng, bắn tung chiếc thuyền lên cao.



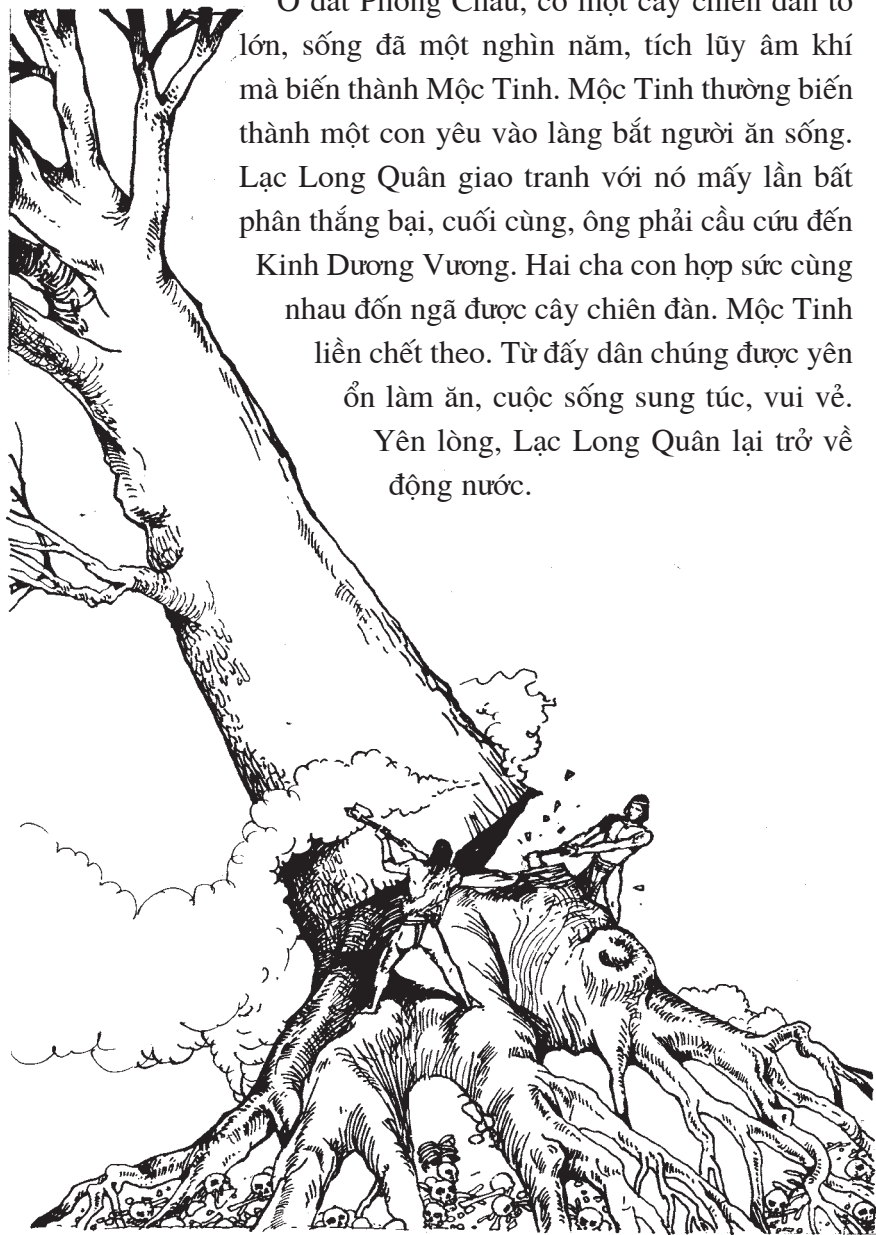
Từ trên cao, Lạc Long Quân phóng đao xuống, chém Ngư Tinh thành ba khúc. Khúc đầu biến thành một con chó biển, định chạy trốn, Lạc Long Quân liền phóng đao tiếp, giết chết chó biển. Xác nó biến thành hòn Cầu Đầu Sơn có hình giống cái đầu chó. Khúc giữa trôi ra xứ Mạn Cầu, nay còn gọi là Cầu Đầu Thủy. Còn cái đuôi thì biến thành con rồng trắng, Lạc Long Quân giết rồng, lột lấy da, đem phủ lên một hòn đảo giữa biển. Đó là hòn Bạch Long Vĩ^(*) ngày nay.

* Hòn đảo nằm ở vịnh Bắc Bộ.

Xong được họa Ngư Tinh thì xuất hiện họa Hồ Tinh ở Long Biên (Hà Nội ngày nay). Hồ Tinh là con cáo chín đuôi, thường biến thành vật hay người để bắt trẻ con về ăn thịt. Dân Long Biên vô cùng sợ hãi đến nỗi phải bỏ xứ mà đi. Lạc Long Quân tìm đến hang cáo, tháo cho nước sông Cái chảy vào ngập hang, rồi lấy chỉ ngũ sắc bện thành dây thông lọng để trước hang. Cáo ngập nước, bò ra liền bị thông lọng thắt cổ chết. Chiếc hang cáo ngập nước ấy sụp xuống biến thành hồ gọi là hồ Xác Cáo. Nay được gọi là Hồ Tây.



Ở đất Phong Châu, có một cây chiên đàn to lớn, sống đã một nghìn năm, tích lũy âm khí mà biến thành Mộc Tinh. Mộc Tinh thường biến thành một con yêu vào làng bắt người ăn sống. Lạc Long Quân giao tranh với nó mấy lần bất phân thắng bại, cuối cùng, ông phải cầu cứu đến Kinh Dương Vương. Hai cha con hợp sức cùng nhau đốn ngã được cây chiên đàn. Mộc Tinh liền chết theo. Từ đấy dân chúng được yên ổn làm ăn, cuộc sống sung túc, vui vẻ. Yên lòng, Lạc Long Quân lại trở về động nước.



Một hôm, vua nước láng giềng là Đế Lai mang theo con gái yêu là nàng Âu Cơ xinh đẹp đến chơi vùng Lĩnh Nam. Đoàn tùy tùng của Đế Lai hay quấy nhiễu, xin gà, lấy gạo của dân chúng nên người dân lại đến trước động nước gọi Lạc Long Quân lên cạm, Lạc Long Quân liền đi gặp Đế Lai và hai bên dàn xếp ổn thỏa. Từ đấy, mọi người lại sống hòa thuận với nhau.





Trong các lần thương thuyết cùng Đế Lai, Lạc Long Quân có dịp gặp được nàng Âu Cơ. Thấy nàng thông minh, sáng trí, Lạc Long Quân xin Đế Lai cho phép được cùng nàng nên vợ nên chồng. Được sự đồng ý của Đế Lai, khắp nơi vang lên tiếng trống đồng báo tin mừng. Tiếng cồng, tiếng chiêng đáp lại, tán thành mối lương duyên. Lạc Long Quân mặc váy kết bằng lá của rừng thiêng, đầu đội mũ lông chim phượng hoàng, điểm thêm vài chiếc bông lau trắng xóa của non cao.

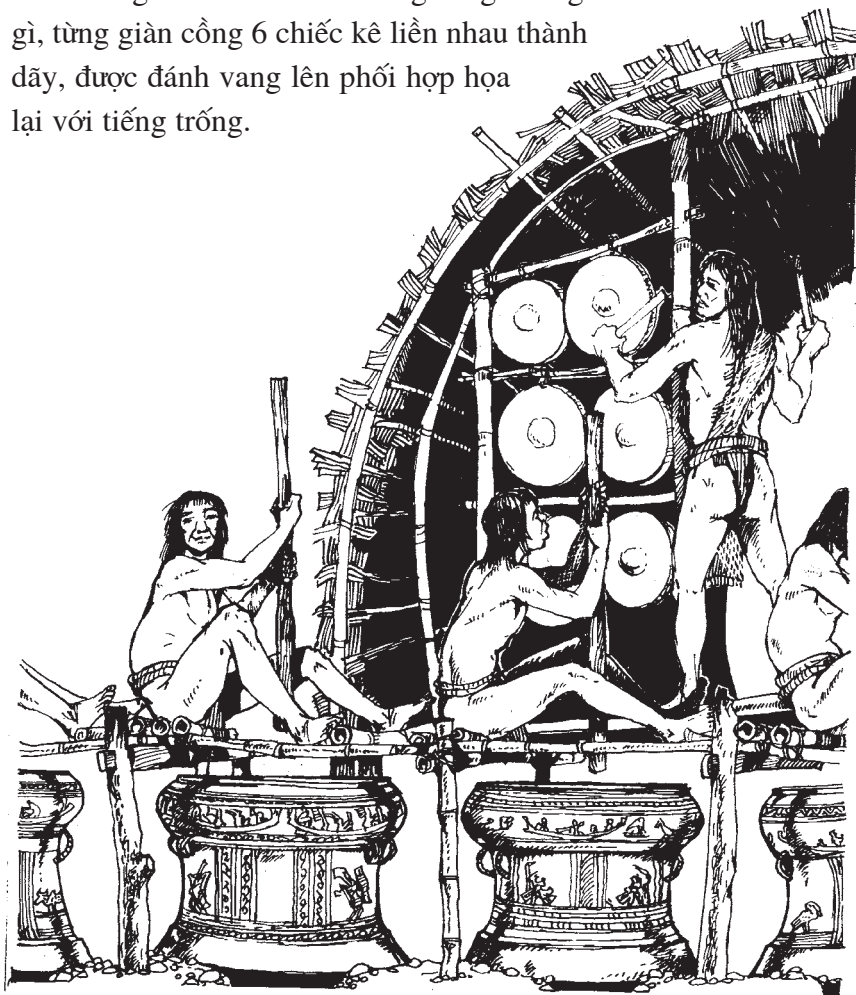
Theo tục lệ “việc cưới xin lấy gói đất làm đầu” của thời ấy, ngoài các món trang sức bằng đá, bằng đồng thau, trong sính lễ của Lạc Long Quân còn có một cái bánh bằng đất hun^(*). Đó là loại bánh làm bằng bùn non tinh khiết và được hun tẩm bằng các hương liệu của núi rừng như quế, hồi, sim và cỏ thơm. Bánh đất hun tượng trưng cho khí thiêng của đất nước, bên cạnh bánh đất hun là gói muối tượng trưng cho tình nghĩa mặn nồng của đôi vợ chồng.



** Cách làm bánh đất hun như sau:*

- *Lấy đất:* Dùng dao thô, dầy, để lấy đất khô từng tảng dưới lớp đất sâu khoảng 20m. Những tảng đất lấy được to chừng 5-6cm, màu xám tro, có vết nâu đỏ, mịn mềm.
- *Phoi đất:* Lấy dao chặt đất thành từng miếng nhỏ bằng ba đầu ngón tay, mỏng 3,4cm, phoi cho đất chuyển thành màu xám trắng.
- *Hun đất:* Những miếng đất được đặt lên dàn hình vuông bằng các cây gỗ đan lại bằng những dây leo. Trên dàn dấy vài tấm cối sớ sài, cả dàn đất được đặt lên một hố tròn, không sâu lắm. Dưới hố là những cây cỏ thơm được đốt bốc khói lên, ám vào các miếng đất. Miếng đất biến thành màu vàng sẫm. Đó là bánh đất hun.

Đám cưới diễn ra trong sự nô nức tung bừng của dân chúng, họ cũng mặc quần áo lễ hội giống như Lạc Long Quân và tham dự vào các cuộc vui. Nơi thổi kèn, thổi sáo hoặc ca múa, nơi đánh trống gồm cả nam lẫn nữ, chia thành từng đôi, ngồi cạnh từng cặp vợ chồng đánh trống: bên nam đánh trống đục còn bên nữ thì đánh trống cái. Nhóm đánh cồng cũng không thua kém gì, từng giàn cồng 6 chiếc kê liền nhau thành dãy, được đánh vang lên phối hợp hòa lại với tiếng trống.



Những người nhảy múa hóa trang thành hình chim, họ mặc váy bằng lông chim có hai vạt xòe ra, đầu đội mũ cũng bằng lông chim cài bông lau. Họ uốn lượn theo nhịp trống rập rình, tạo nên hình ảnh đàn chim Lạc đang tung cánh tự do trên bầu trời bao la. Nâng đỡ điệu múa là tiếng hát đối đáp của từng đôi trai gái. Từng đôi, từng đôi họ ngồi đối diện nhau, lồng chân, giao tay hát lên lời chúc cho Lạc Long Quân và Âu Cơ được con đàn cháu đống.

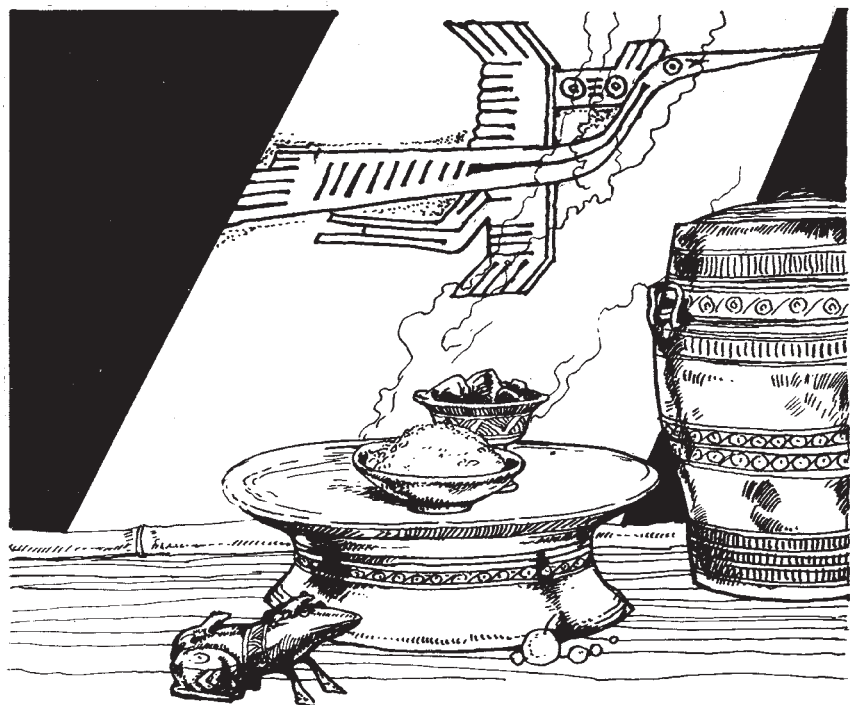


Các già làng có nhiệm vụ lo chu toàn các nghi thức của buổi hôn lễ. Vốn là những người có kinh nghiệm trong cuộc sống và được dân chúng kính nể, họ đứng ra phân công hai nhóm nam nữ. Nhóm nam gồm những chàng trai trẻ có nhiệm vụ chuẩn bị những nắm đất, nắm bùn, hoa quả. Nhóm nữ là các cô gái lo việc nấu cơm nếp. Để cho nồi cơm nếp của đêm tân hôn được tinh khiết, họ chọn lấy chỗ nước thật trong vắt để vo. Nếp được nấu trong nồi đất nung thô, tỏa mùi thơm ngào ngạt.





Khi Lạc Long
Quân rời thủy cung
lên cạn đón dâu, đoàn
trai trẻ ùa ra kẻ ném đất,
ném bùn, người ném hoa
quả vào chàng rể để cầu
cho mối lương duyên đơm
hoa kết trái từ lòng đất mẹ.
Nàng Âu Cơ xuất hiện trong
chiếc áo lông ngỗng trắng
toát, tóc nàng tết cao, để
lộ chiếc cổ cao ba ngón.
Tay nàng đeo vòng,
cổ nàng đeo chuỗi, hai
chiếc vòng tai lấp lánh
màu đồng thau làm ứng
hồng thêm đôi má.



Một mâm cơm dành riêng cho cô dâu chú rể để cầu chúc tình vợ chồng gắn bó đã được đặt ở nơi trang trọng.

Trên chiếc mâm bằng đồng thau sáng loáng ấy, có bát cơm nếp bốc khói nghi ngút, bên cạnh đĩa thịt dê nướng thơm phức. Mọi người hân hoan chờ đợi giây phút thiêng liêng của nghi lễ ăn chung bát cơm nếp truyền thống.



Tới giờ lành, trước sự chứng kiến của các già làng, trong tiếng ca hát reo hò của dân chúng. Lạc Long Quân cùng Âu Cơ trân trọng nâng bát cơm nếp lên và cùng nhau ăn chung để thay lời thề chia ngọt sẻ bùi trong cuộc sống. Sau buổi lễ ăn chung bát cơm nếp, Lạc Long Quân và Âu Cơ chính thức thành vợ chồng trước trời đất và trước dân chúng Lạc Việt.



Không bao lâu sau, nàng Âu Cơ mang thai và hạ sinh ra một cái bọc. Được bảy ngày, cái bọc nở ra trăm trứng, từ trăm trứng nở ra trăm cậu bé khỏe mạnh. Dân bản rộ chọn ra trăm tàu lá chuối tươi không tỳ vết, màu xanh ngọc mon mớn để lót ổ. Họ tin rằng với việc lót ổ bằng lá chuối tươi như thế, các cậu bé sẽ hấp thu được khí âm lẫn khí dương và sẽ nên người khôn ngoan để giúp đỡ họ trong cuộc sống, bảo vệ họ chống lại thiên tai và ngoại xâm.

Một trăm người con trai lớn lên trong sự dạy dỗ của Lạc Long Quân, trong sự chăm sóc của nàng Âu Cơ và trong mối bảo bọc của dân chúng. Ngày tháng trôi qua, họ đã đến tuổi trưởng thành. Lạc Long Quân cho tổ chức một cuộc đua thuyền để thử thách sức bền bỉ và lòng can đảm của các con. Những con thuyền độc mộc, đuôi én, mũi cong, mình thon đã được hạ thủy. Cả trăm chàng thanh niên ấy mình trần vận khố, chân đất, đầu đội mũ lông chim chia thành mười nhóm.



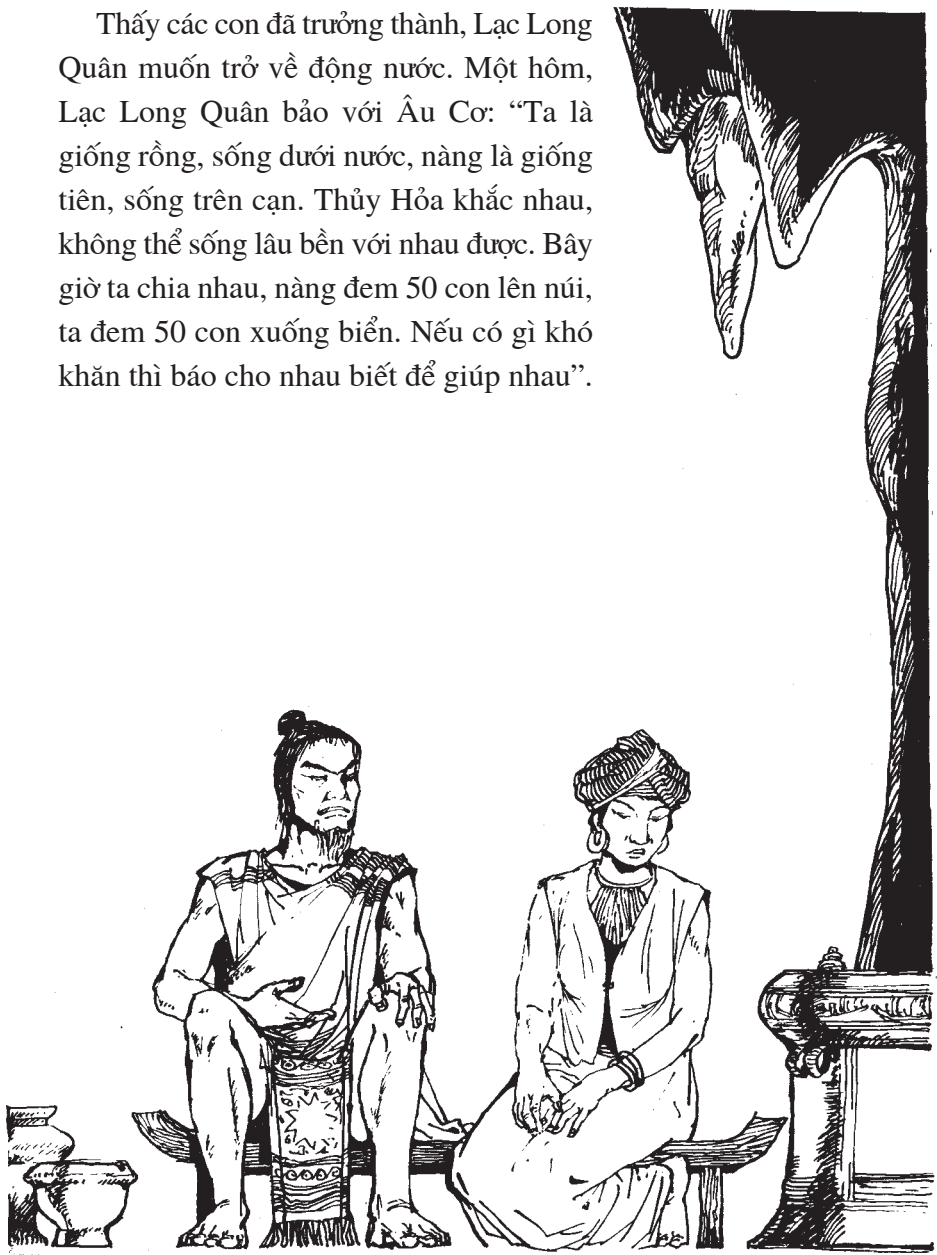
Tiếng trống lệnh vang lên, mười chiếc thuyền vun vút phóng lên như tên bắn trên mặt nước. Dân chúng đứng hai bên reo hò cổ vũ các chàng trai. Những chiếc lưng trần dầm loáng nước và mồ hôi, những cánh tay vạm vỡ loang loáng khoáng dầm bơi. Thuyền của họ xé nước lao về phía trước như những cánh chim Lạc đang lướt gió trên các tầng mây.



Điểm đến đã xuất hiện. Tiếng công vang lên giục giã. Đây rồi, họ đã đến, nhưng lạ lùng thay, cả mười chiếc thuyền cùng phá điểm đến một lượt. Lạc Long Quân rất bằng lòng. Ông cho buổi lễ tiếp tục bằng hội giã cối. Tiếng thanh, tiếng trầm, khi thưa, khi nhanh của các điệu giã cối cùng những lời hát đối đáp của những đôi trai gái ca ngợi cuộc sống yên.



Thấy các con đã trưởng thành, Lạc Long Quân muốn trở về động nước. Một hôm, Lạc Long Quân bảo với Âu Cơ: “Ta là giống rồng, sống dưới nước, nàng là giống tiên, sống trên cạn. Thủy Hỏa khắc nhau, không thể sống lâu bền với nhau được. Bây giờ ta chia nhau, nàng đem 50 con lên núi, ta đem 50 con xuống biển. Nếu có gì khó khăn thì báo cho nhau biết để giúp nhau”.



Biết rằng sự hợp tan là lẽ thường tình trong cuộc sống, nàng Âu Cơ ngậm ngùi đồng ý. 50 người con theo cha về động nước, 50 người kia theo mẹ lên núi.

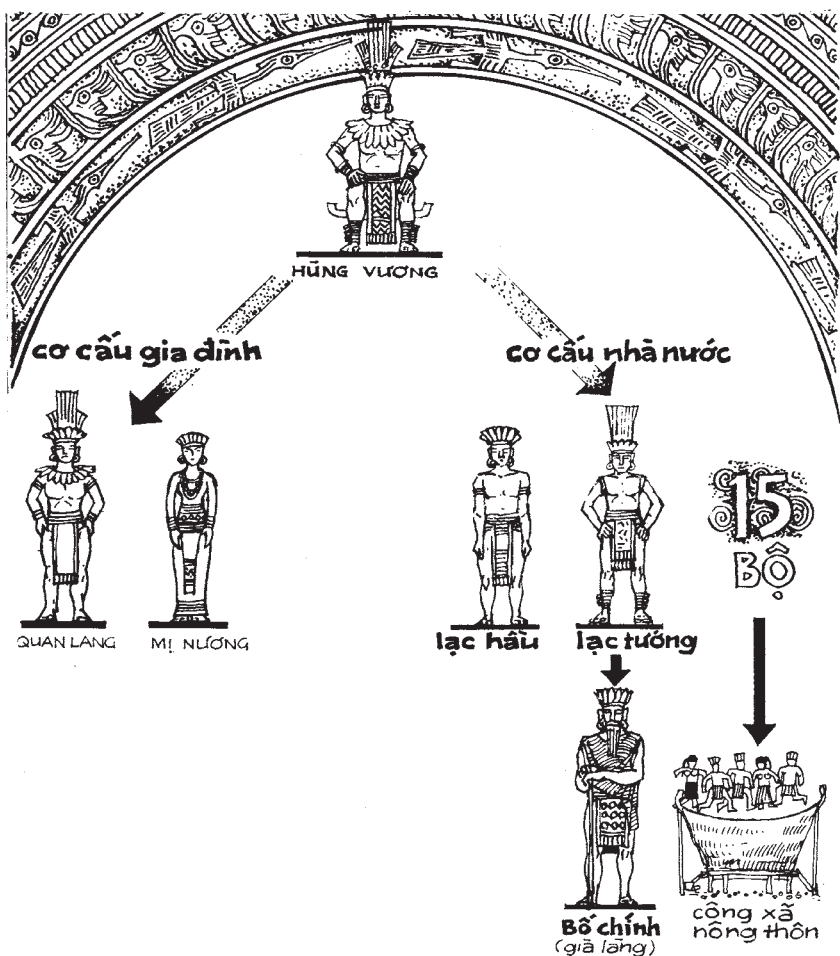
Tuy không sống chung, nhưng họ vẫn thường liên lạc với nhau, có việc gì họ cũng đều thông tin cho nhau biết. Người dân khi gặp khó khăn vẫn đến trước động nước cầu sự giúp đỡ của Lạc Long Quân.

Âu Cơ và 50 người con trai đến sống ở đất Phong Châu (Phú Thọ) và cùng nhau tôn người con cả lên làm vua. Đó là Hùng vương thứ nhất của nước ta, mở đầu cho thời đại Hùng vương kéo dài hơn 2000 năm.



Hùng vương đặt tên nước là Văn Lang. Người bỏ ra nhiều thời gian đi tìm nơi có thế đất, thế nước để đóng đô. Đến chuyến đi thứ sáu mới tìm ra. Đó là vùng hội tụ của ba con sông Lô, sông Thao và sông Đà, hai bên có núi Tản Viên và Tam Đảo, dân cư đông đúc, đồng ruộng tươi xanh, xa xa là các dãy đồi thoải thoải và phía trên cao là một hòn núi kỳ tú. Vua bèn chọn nơi đây làm kinh đô (nay thuộc tỉnh Phú Thọ).





Vua tổ chức một hàng ngũ quan chức gồm có các Lạc hầu để giúp mình trị nước. Vua chia nước ra làm 15 bộ. Đa số các em của vua cai trị các bộ này, họ được gọi là các Lạc tướng. Vua và các Lạc tướng có quyền cha truyền con nối. Dưới các bộ là các làng xã, có các Bổ chính tức là các già làng đứng đầu. Con trai của vua được gọi là Quan lang, còn con gái thì gọi là Mị nương. Đó là tổ chức sơ khai của dân Lạc Việt.

Dưới các làng xã là gia đình, trong gia đình vẫn còn ảnh hưởng khá đậm của chế độ mẫu hệ thời trước, nhưng người đàn ông đã giữ vai trò quan trọng. Chồng lo toan mọi việc trong gia đình nhưng ý kiến của vợ vẫn được tôn trọng. Cả vợ lẫn chồng đều cùng làm ruộng. Khi nào rảnh rỗi thì chồng đi săn, đi đánh cá, vợ đi hái, đi lượm. Con cái được cha mẹ chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi thành đinh (trưởng thành).



Vua Hùng rất yêu thương dân. Người hay đi thăm dân và thân hành coi sóc việc trồng lúa của dân. Thuở ấy Văn Lang có ruộng Lạc, tức là ruộng ở chỗ trũng ven sông Hồng, sông Mã. Dân theo thủy triều lên xuống mà làm ruộng, vì thế họ được gọi là Lạc dân. Lạc dân dùng phương pháp “thủy nậu” để cấy lúa. “Thủy nậu” là cách đập cho cỏ sục bùn rồi mới cấy lúa lên. Giống lúa thoát tiên là những hạt nếp, hạt tẻ mọc hoang, dần dần được Lạc dân thuần dưỡng. Thời đó, Lạc dân vẫn ăn gạo nếp là chính.





Hàng năm, vua vẫn thường cùng các già làng lên núi cúng vía lúa để cầu trời đất cho dân trúng mùa. Nơi vua Hùng khấn vía lúa trở thành nơi thờ thần Lúa, sau này chính là đỉnh núi Hùng (thuộc xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, Phú Thọ). Núi Hùng là một quần thể ba ngọn núi Cao Sơn, Ất Sơn và Viễn Sơn. Nơi đây, biểu tượng của lúa – một hòn đá đeo hình vỏ trấu dài khoảng 60cm – đã từng được nhân dân thờ cúng.

Sông hồ nước Văn Lang lắm tôm cá nhưng cũng nhiều loài thủy quái thường hay sát hại dân chài. Dân chài bèn kêu than với vua. Biển được hiểm họa thường đe dọa tính mạng của dân và ngăn trở việc đánh bắt thủy sản vốn là nguồn lợi quan trọng thời bấy giờ, lòng vua luôn nặng trĩu lo âu để tìm cách tiêu diệt thủy quái.

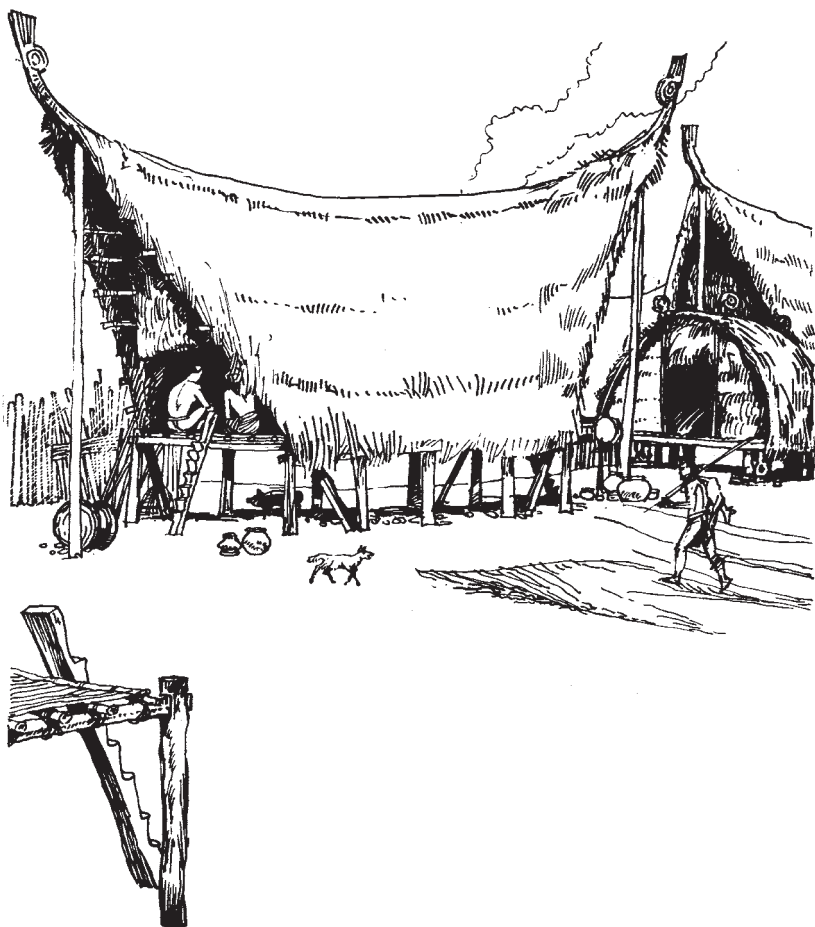


Một hôm vào rừng, bắt gặp một con tắc kè hình dáng giống như một con cá sấu hung dữ thu nhỏ chạy ngang chân và trốn lẫn vào đám lá khô, vua Hùng cố tìm xem nó ở đâu nhưng không thể phân biệt đâu là con vật, đâu là những chiếc lá vàng đỏ úa. Người giật mình chột hiểu: con tắc kè đã tự nhiên đổi màu da của mình theo màu lá để tự vệ. Như thế con người cũng có thể hóa trang thành loài thủy quái để chúng tưởng là đồng loại.



Về cung, vua triệu tập dân chài và chỉ cho họ cách lấy chàm vẽ lên trên mình hình ảnh những loài thủy quái như cá sấu, rắn. Biện pháp ấy quả rất hiệu nghiệm. Dân chài không còn bị sát hại nữa. Từ đó, dân Việt có tục lệ xăm mình. Tục lệ này được lưu truyền cho đến đời vua Trần Anh Tông (1293–1314) mới dứt. Hùng vương còn cho vẽ hai con mắt trước các mũi thuyền để đánh lừa thủy quái, bảo vệ người đi trên sông nước. Tục lệ này ngày nay vẫn còn.





Ngoài việc chống loài thú dữ dưới nước, vua Hùng còn giúp dân chống lại loài thú dữ trên cạn bằng cách khuyến khích dân chúng lấy tre gỗ dựng nhà sàn. Và như thế những căn nhà mái cong hình thuyền hay hình vòm trên những cọc gỗ cao ráo có khả năng ngăn cách thú dữ với cư dân đã được dựng lên khắp Văn Lang. Đó là bóng dáng những căn nhà sàn còn thấy ở nhiều vùng dân tộc ít người hiện nay.

An cư thì lạc nghiệp. Nền kinh tế của nước Văn Lang đã có những bước phát triển đáng kể nhờ kỹ thuật luyện kim. Những công cụ sản xuất bằng đồng như cái cuốc, cái cày đã giúp cho các cánh đồng trĩu nặng lúa. Trống đồng được đúc ra, không chỉ dùng trong các cuộc tế lễ, mà chạy mà còn để trao đổi với các nước khác^(*). Dân chúng sống trong cảnh thanh bình, ấm no.

^(*) Trống đồng Đông Sơn đã được tìm thấy trong các di chỉ khảo cổ ở các nước Indonesia, Malaysia, Thái Lan.



Để tán thưởng cuộc sống hạnh phúc ấy, dân chúng thường tổ chức các buổi lễ hội tung bừng ca ngợi công đức của Hùng vương và tạ ơn trời đất. Sau những nghi lễ tế trời mừng được mùa, từng tốp người mặc áo quần làm từ lông chim, tay cầm khèn hoặc giáo nhảy múa theo nhịp trống, cồng, sênh, phách rộn rã. Những trai gái tuổi tìm bạn cùng nhau chan hòa trong tiếng giã cối rạo rục. Vẳng từ bờ sông là tiếng reo hò cổ vũ cho cuộc đua thuyền.



Các đời vua kế tiếp vẫn được gọi là Hùng vương. Họ nổi nghiệp lớn của cha ông và bảo toàn được cuộc sống êm đềm giản dị của dân chúng. Cũng chính từ cuộc sống khó khăn vất vả nhưng hồn nhiên lạc quan ấy, dân Lạc Việt đã để lại những chuyện truyền miệng đậm đà tính dân tộc như Thánh Gióng, sự tích bánh Chưng – bánh Giày, Trầu Cau, Quả dưa hấu, Sơn Tinh – Thủy Tinh...

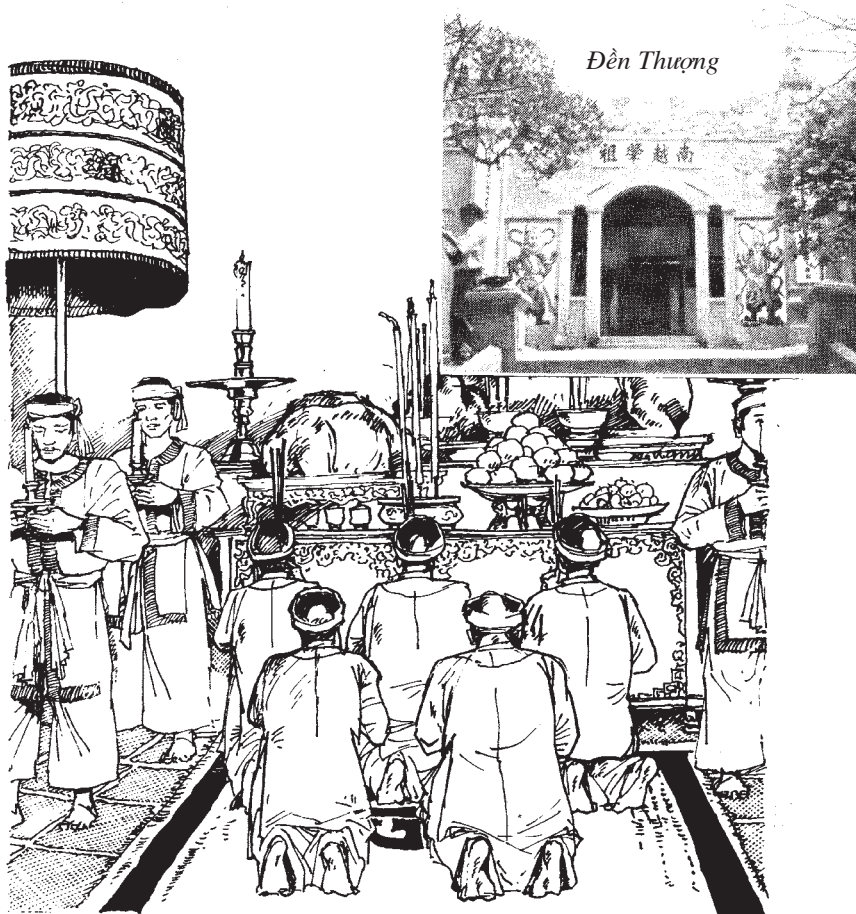


Cổng Đền Hùng

Đời sau, con cháu nhớ ơn các vua Hùng và hàng năm đều tổ chức lễ cúng gọi là Giỗ Tổ vào ngày 10 tháng 3 âm lịch.



Lễ lớn và mang tính truyền thống nhất luôn được tổ chức tại núi Hùng ở Vĩnh Phú và vẫn được gọi là hội đền Hùng. Hôm đó, tại đền Thượng, tức là nơi vua Hùng đã từng làm lễ khẩn vía lúa và cũng là nơi sau này, Hùng vương thứ sáu lập đền thờ Thánh Gióng, đã diễn ra một buổi lễ tế trang trọng. Lễ vật gồm có “Tam sinh” tức là bò, dê, heo thui cả con, cùng hương hoa, oản, trầu cau, xôi ngũ sắc, rượu, bánh chưng, bánh dày...



Đồng thời với buổi lễ là đám rước voi, rước bánh chưng bánh giầy, rước kiệu xuất phát từ các làng lân cận, cùng nhau rầm rộ tiến về đền Hạ (phía dưới đền Thượng). Đám rước bánh chưng bánh giầy là một điểm đặc biệt không thể thiếu được của hội đền Hùng. Cuộc rước này nhắc nhở đến tấm lòng của Lang Liêu (Sự tích bánh Chưng – bánh Giầy) đồng thời để nhớ tới công đức của vua Hùng đã dạy dân chúng trồng lúa.





Lăng Vua Hùng



Gác chuông Đền Hạ

Đền Trung



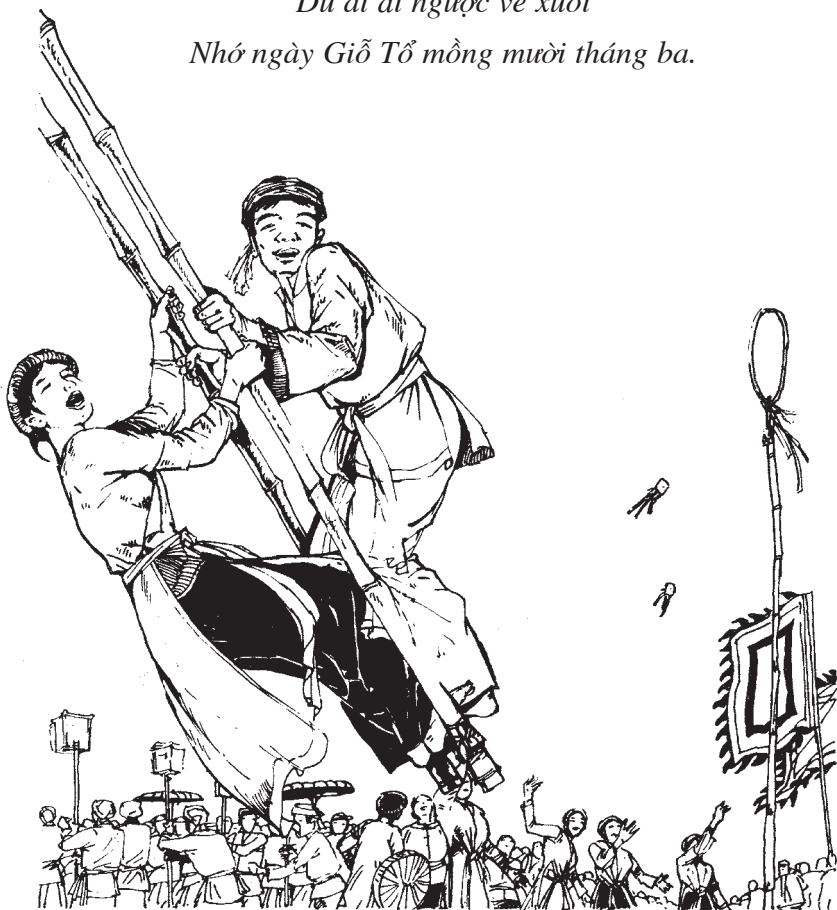
Còn rước kiệu là cuộc thi giữa các làng. Các cỗ kiệu được rước đến sân đền. Đến nơi, kiệu cùng cờ quạt đồng loạt được rước chạy quanh sân đền, vì vậy còn gọi là kiệu bay. Dưới chân núi các cô gái đâm đuống (giã gạo), các chàng trai chày thau (đánh trống đồng) làm vang lên trong không gian lời mời gọi rộn rã.



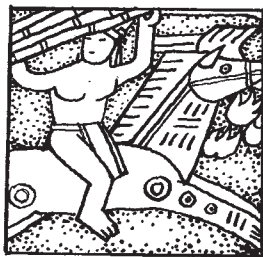
Trên hồ nước, những cặp thuyền rồng lộng lẫy lướt sóng. Bên bờ là bãi tung còn, đấu vật, cờ người, leo dây, múa rối và đặc biệt là bãi đu tiên. Các cô gái, chàng trai say sưa quay tròn, những tà áo muôn màu tung bay phất phới trong không khí tung bùng của ngày hội.

Vì ý nghĩa nhớ cội nhớ nguồn, vì tính hấp dẫn của không khí ngày hội, trong dân gian có câu:

*Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng mười tháng ba.*



THÁNH GIÓNG



TÔN NỮ QUỲNH TRẦN - NGUYỄN TRUNG TÍN

Vào đời Hùng vương thứ VI, nước Văn Lang bị giặc Ân quấy nhiễu. Chúng phá làng, phá xóm, cướp trống đồng, giết người không góm tay. Các Lạc tướng, Bồ chính ra sức chống ngăn nhưng đều bị giặc Ân đánh hạ. Dân chúng kinh hoàng, khắp nơi im bất tiếng cười. Ngay cả trẻ thơ cũng chẳng dám khóc to. Còn đâu nữa những buổi đua thuyền hào hứng, những đêm hội tung bưng. Nhà nhà đóng cửa, rút cầu thang, hãi hùng.



Vua Hùng bối rối vô cùng. Người bèn triệu tập các Lạc hầu lại để bàn kế. Bàn tới, bàn lui bỗng có vị Lạc hầu khuyên vua nên cho rao trong dân chúng để tìm người tài. Vua sức nhớ lại giấc mộng đã ba năm về trước... Hôm ấy, đang thiêu thiêu ngủ, vua thấy Lạc Long Quân xuất hiện báo cho vua biết sẽ có giặc xâm phạm bờ cõi nhưng thần tướng sẽ xuống giúp đỡ. Tin tưởng sẽ tìm ra người tài, vua ra lệnh tìm kiếm.





Bấy giờ, ở làng Phù Đổng thuộc bộ Vũ Ninh (nay là huyện Gia Lâm, Hà Nội) có một đôi vợ chồng đã lớn tuổi nhưng lại hiếm muộn. Một hôm người vợ thức dậy sớm ra vườn tưới cây, bà bỗng nhìn thấy một vết chân to lớn, dẫm nát cả mấy luống cà. Lấy làm lạ, bà bènướm thử chân mình vào, bỗng thấy lòng xúc động. Từ đó, bà có thai và sinh ra một bé trai kháu khỉnh. Không bao lâu sau, người cha mất, người mẹ một mình nuôi con. Cậu bé dễ ăn, dễ uống, nhưng chẳng hề biết nói, biết cười, suốt ngày chỉ nằm im trong chiếc gióng tre^(*) treo ở giữa nhà, nên được đặt tên là Gióng.

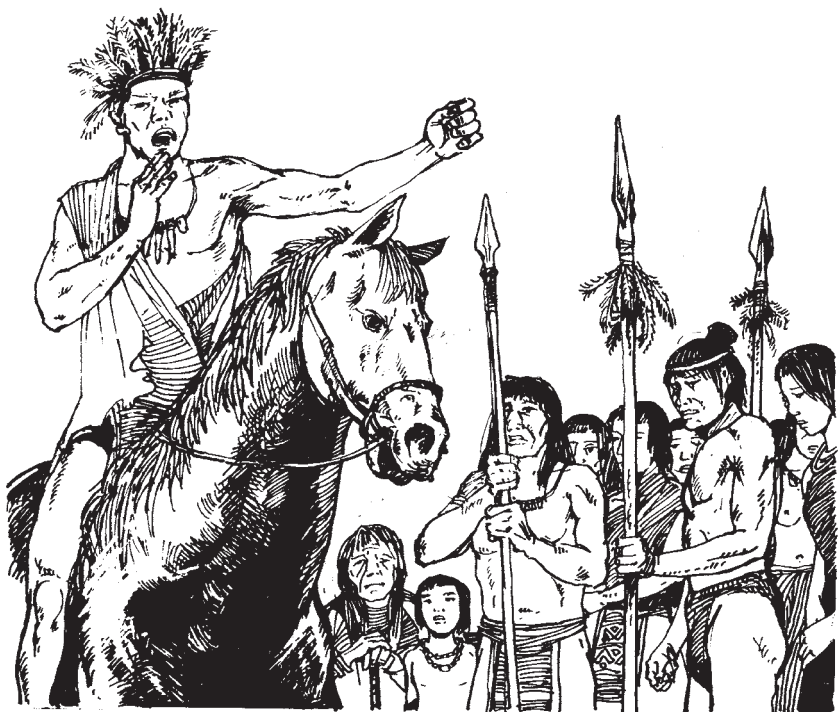
* Gióng: Quang để gánh.

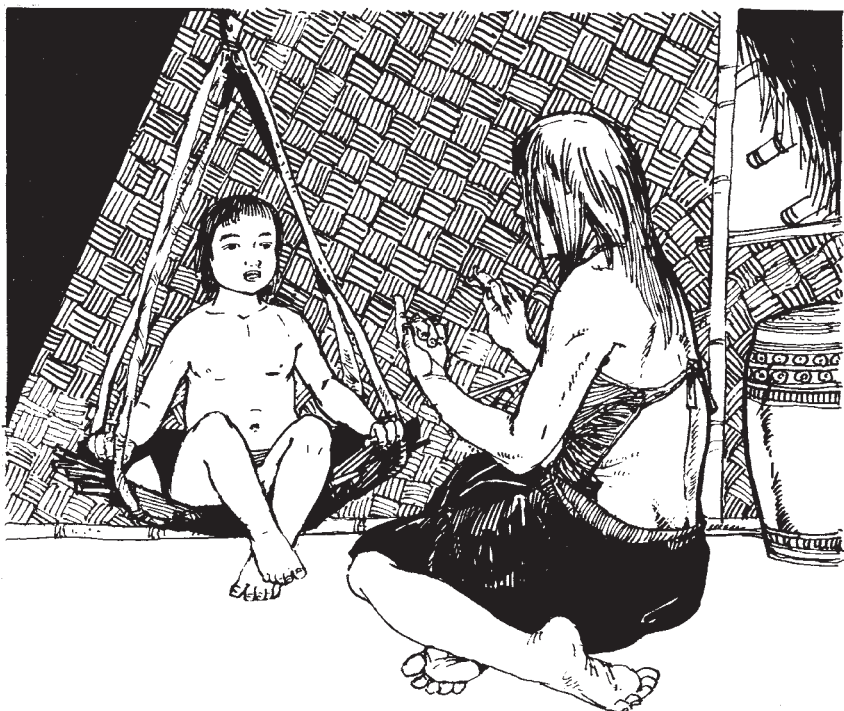
Một hôm sứ giả đi đến làng Phù Đổng, tiếng rao vang lên từ đầu đến cuối làng:

– Vua Hùng cần người tài đi phá giặc Ân!

Già, trẻ, lớn, bé đều chạy đến xúm quanh sứ giả xôn xao bàn tán, già làng cùng các bô lão lo lắng lắc đầu. Gióng vẫn nằm bất động. Mẹ thấy thế than lên:

– Con ơi! Đất nước lâm nguy, con hãy mau lớn lên để ra giúp nước chứ!





Bống bà nghe Gióng nói:

– Mẹ ơi, con nghe lời mẹ ra giúp nước đây. Mẹ hãy mời sứ nhà trời (tức sứ giả của vua Hùng) vào để con thưa chuyện.

Người mẹ hốt hoảng không tin vào tai mình:

– Gióng ơi, con biết nói rồi sao?

Gióng gật đầu:

– Việc nước khẩn cấp, xin mẹ đừng chần chừ. Sứ nhà trời không thể đợi lâu.

Người mẹ vừa mừng vừa lo, bèn bảo con:

– Con ơi, con còn nhỏ quá, sức đâu chống được lũ hung tàn?

Cậu bé trấn an mẹ hiền:

– Mẹ đừng lo, con đã có cách.

Bà mẹ lóng cóng chạy đi gọi già làng:

– Già làng ơi, thằng Gióng con ta biết nói rồi, nó lại bảo ta đi mời sứ nhà trời đây. Ta lo lắm!



Già làng sùng sốt:

– Thằng Gióng biết nói? Lại còn đòi đi đánh giặc? Có lẽ Bô đã biết tin, cho người giúp ta chăng?

Mọi người chung quanh cũng đều kêu lên:

– Đúng là Bô sai thần tượng đến giúp ta rồi! Mẹ thằng Gióng cứ ra mời sứ giả nhà trời đi.

Bà mẹ vững lòng hơn, chạy đi mời sứ giả.



Sứ giả đến nhà, thấy Gióng bé tí ti liền bảo:

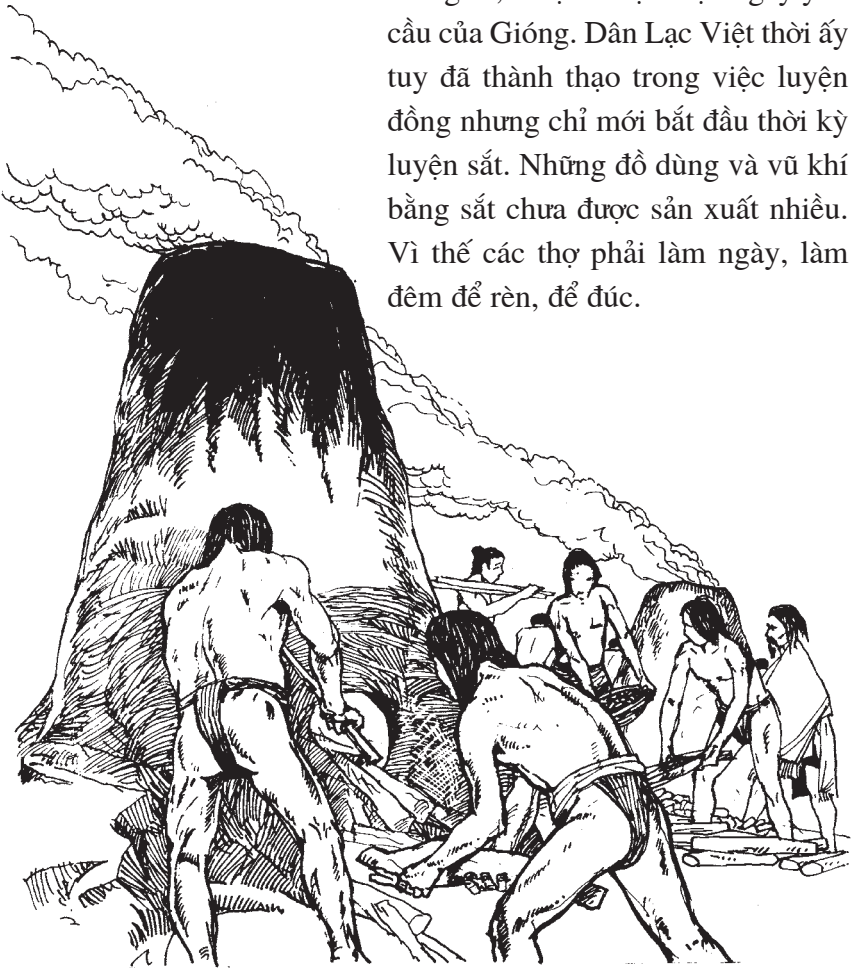
– Ngươi chỉ cao bằng cây lúa. Giặc Ân thì như thác đổ ầm ầm trên rừng trên núi. Chúng nó ăn tươi nuốt sống ngươi ngay.

Gióng điềm tĩnh trả lời:

– Ta sẽ phá được giặc Ân, sứ về nói với nhà trời (tức là vua Hùng) đúc cho ta một thanh gươm sắt, một con ngựa sắt. Nhà trời không phải lo chi cả.



Nhìn chung quanh thấy nét mặt tin tưởng của mọi người, biết có chuyện lạ, sứ giả bèn phóng ngựa, phi nước đại về kinh đô Phong Châu, báo tin cho vua Hùng biết. Thấy việc xảy ra ứng như giấc mộng, vua Hùng mừng rỡ, ra lệnh thực hiện ngay yêu cầu của Gióng. Dân Lạc Việt thời ấy tuy đã thành thạo trong việc luyện đồng nhưng chỉ mới bắt đầu thời kỳ luyện sắt. Những đồ dùng và vũ khí bằng sắt chưa được sản xuất nhiều. Vì thế các thợ phải làm ngày, làm đêm để rèn, để đúc.

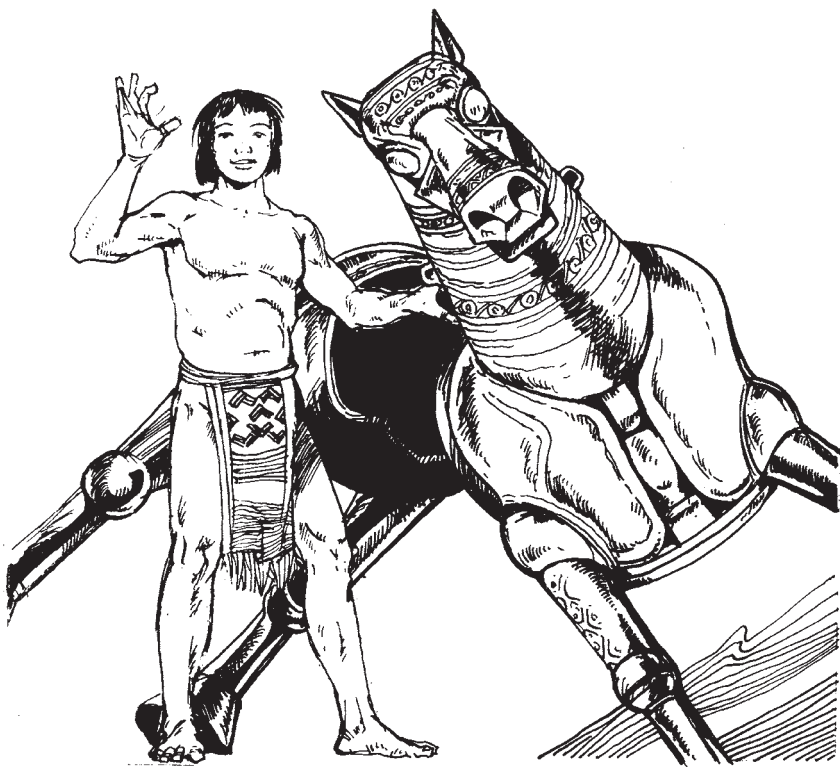


Trong khi ở kinh đô Phong Châu mọi người đang khần trương lo vũ khí thì tại làng Phù Đổng, Gióng bỗng lớn nhanh như thổi. Mẹ nấu bao nhiêu cơm nếp cũng không đủ cho Gióng ăn, hàng xóm chung quanh góp gạo thêm cũng không đủ. Già làng bèn huy động cả làng giúp. Không đủ nồi để nấu, dân làng phải nấu cả cơm lam^(*). Các hũ mắm cá, mắm ba ba cũng được mang đến nhưng chỉ một loáng là Gióng ăn hết ngay. Các cô gái ngồi dệt suốt ngày bên khung cửi nhưng bao nhiêu vải nổi mà áo của Gióng vẫn ngắn, vẫn chật. Các cô gái phải lấy bông lau để kết thành áo.

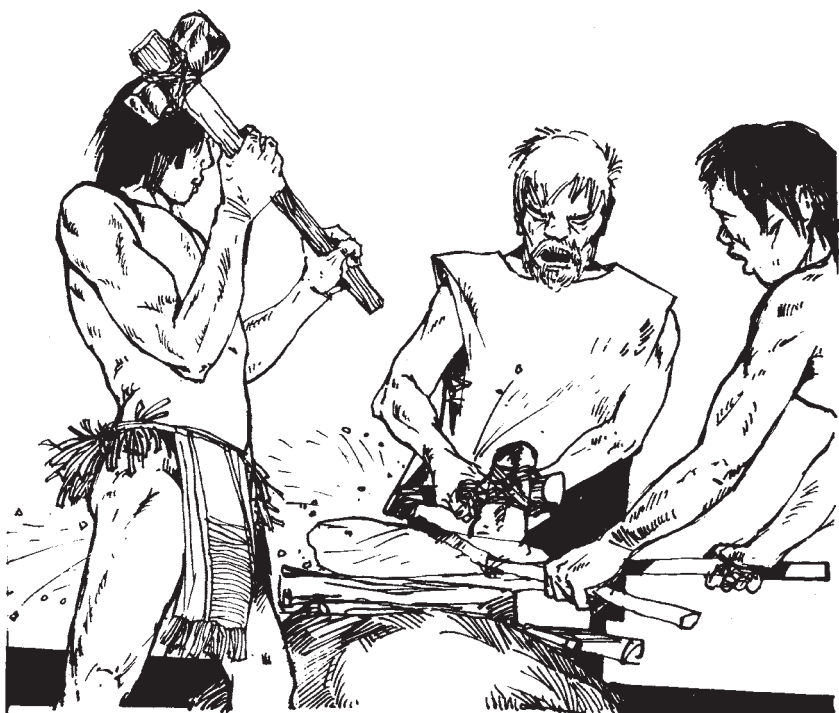
** Cơm lam nấu bằng cách cho gạo, nước vào ống nứa tươi rồi nướng trên lửa, thường dùng cho lúc đi xa.*



Ngựa, guom, nón và áo giáp đã được đúc xong. Vua Hùng lập tức sai sứ giả mang đến cho Gióng. Khi ấy Gióng đã trở thành một thanh niên khỏe mạnh, tuấn tú. Gióng chỉ vồ nhẹ một cái là guom gãy, ngựa gục, giáp tan, nón bể. Thế là phải bắt đầu lại. Sắt mà họ dùng để đúc mềm quá, phải có sắt tốt hơn. Vua Hùng cùng những người rèn, người đúc tìm tòi cách làm, lần này họ làm cẩn thận hơn.



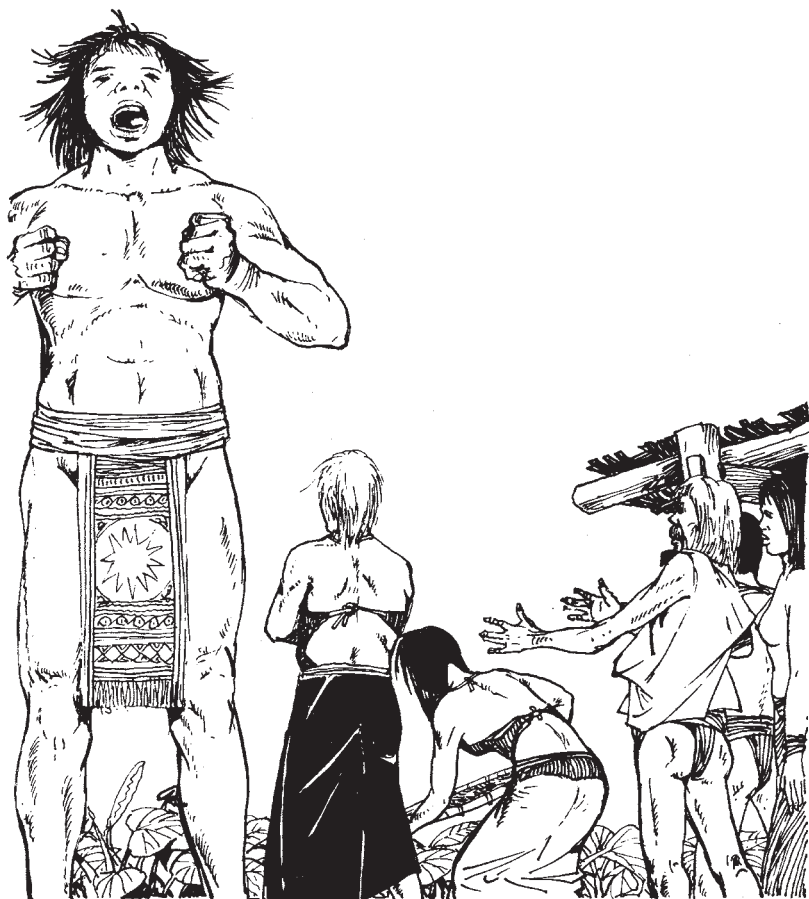
Sau bao nhiêu lần thử đi thử lại, họ lấy than gỗ chất cao đốt thành lò lửa cuộn cuộn hơi nóng, rồi thả các mẫu quặng sắt xù xì vào. Khi nhả chuông đã được, họ lấy miếng sắt xốp còn đỏ mềm ra đập lia lịa. Sắt nguội, họ lại nung mềm và tiếp tục đập. Cứ thế, họ đã tạo được một thứ sắt cứng hơn.



Họ lấy sắt răn đúc đi đúc lại ba lần mới vừa sức Gióng. Vua Hùng còn phái hàng ngàn quan quân đem ngựa sắt đến làng Phù Đổng để theo giúp sức Gióng. Mọi thứ đã sẵn sàng cho Gióng lên đường. Cả làng bày tiệc tiễn chân Gióng. Sau khi ăn hết bảy nong com, ba nong cà, Gióng hét lên một tiếng như sấm:

– Ta là tướng nhà Trời!

Rồi vươn vai biến thành một người khổng lồ uy nghi, cao to sừng sững.



Giống đội nón, mang giáp, đeo gươm, nhảy lên mình ngựa. Lạ thay, ngựa sắt tung cao vó mà phun ra một luồng lửa hùng hực.

Giống quay đầu ngựa chào mẹ, chào cả làng, từ biệt dân làng và thúc ngựa ra đi. Ngựa phi như bay, vó câu rung chuyển, xoáy trên nền đất thành những dãy hố chạy dài. Quan quân râm rộ theo sau, khí thế âm âm như thác đổ.

Đến chân núi Vũ Ninh, Giống gặp ngay giặc đang đóng trại la liệt cả một vùng.



Tướng giặc là Ân vương, hình dung cổ quái, mặt to vành vạnh, râu tóc tua tủa, giết người không gớm tay. Gióng thúc ngựa lao vào trận địa, vung gươm loang loáng. Ân vương thúc quân chống cự. Giặc Ân tiến lên trùng trùng, điệp điệp, nhưng lớp trước, lớp sau chết như ngã rạ dưới lưỡi gươm của Gióng. Ngựa Gióng lại hí vang, phun lửa cháy cả rừng tre. Ân vương xông tới quyết chiến, nhưng chẳng mấy chốc bị Gióng phóng gươm giết chết. Gươm Gióng bị gãy theo.

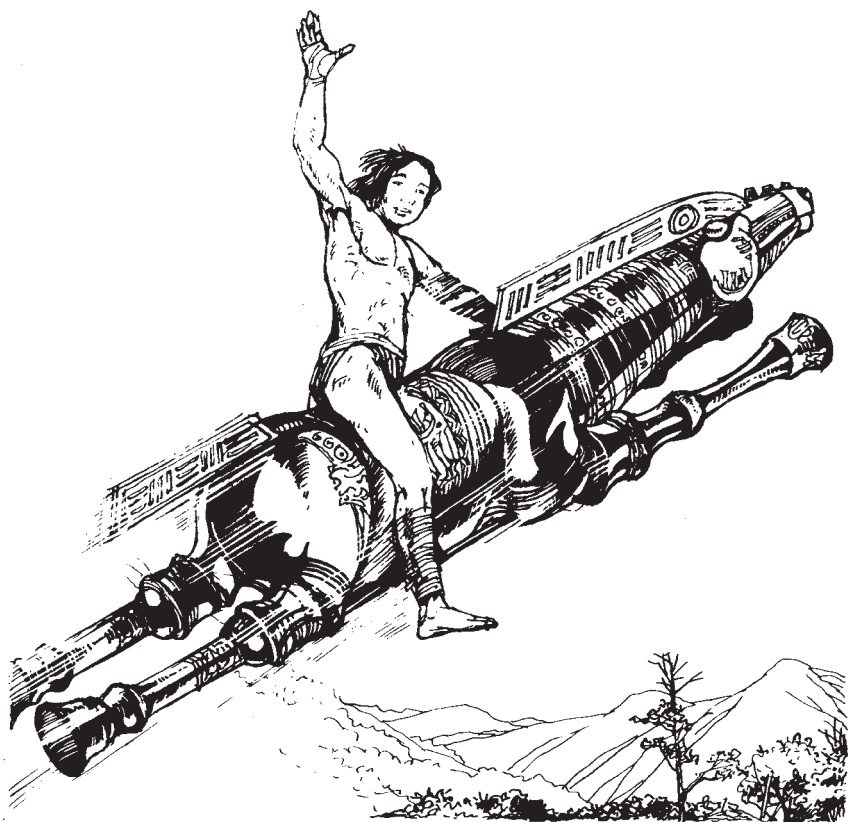




Gióng mất khí giới, thấy giặc vẫn chưa chịu đầu hàng, tuy đã mất chủ tướng, chúng cứ ào ào tràn lên. Không một chút bối rối, Gióng nhổ các bụi tre bên đường, quật tới tấp vào giặc. Quân giặc hoảng sợ, lớp quỳ xuống xin hàng, lớp chạy trốn. Nhưng chạy đâu cho thoát, quan quân cùng dân làng trói chúng lại... Gióng đuổi đến núi Sóc Sơn (nay là huyện Sóc Sơn, Hà Nội) thì không còn một mống giặc nào.



Gióng xuống ngựa ngồi nghỉ dưới chân núi Sóc. Bên chân núi có giếng nước trong. Gióng cởi giáp, treo nón lên một cành cây, đoạn cúi xuống uống một hơi cạn cả giếng. Sau đó, để nón và giáp lại thay lời từ biệt, Gióng lên ngựa bay thẳng lên trời. Khi quan quân kéo đến thì chỉ thấy hình bóng Gióng khuất dần sau những đám mây ngũ sắc, rồi biến mất. Họ đành mang giáp, nón của Gióng về trình vua Hùng.



Thanh bình lại về với đất nước Văn Lang, nhưng người anh hùng đã ra đi không trở lại. Để tỏ lòng kính trọng và nhớ ơn, vua Hùng cho lập đền thờ Gióng bên cạnh vía lúa ở đền Thượng. Vua phong cho Gióng tước hiệu *Thiên Vương* và lấy tên nơi chôn nhau cắt rốn của Gióng để gọi: *Phù Đổng Thiên Vương*. Về sau, vua Lý Thái Tổ (1010–1028) lại phong thêm hai chữ: *Xung Thiên*. Nhân dân thì suy tôn Gióng thành bậc thánh: *Thánh Gióng*.



Dưới chân núi Sóc Sơn ngày nay có những dãy ao tròn, nối nhau đến tận các làng chung quanh. Nhân dân truyền tụng rằng, đó là vết chân ngựa của Gióng để lại. Còn khu rừng tre bị phun lửa cháy thì đã trở thành một làng, nhưng cái tên vẫn còn mang dấu ấn của sự kiện lịch sử ấy: *làng Cháy*. Tre ngà, còn gọi đằng ngà, có màu vàng, tương truyền rằng đó là do bị lửa liếm trong trận quyết chiến kia.

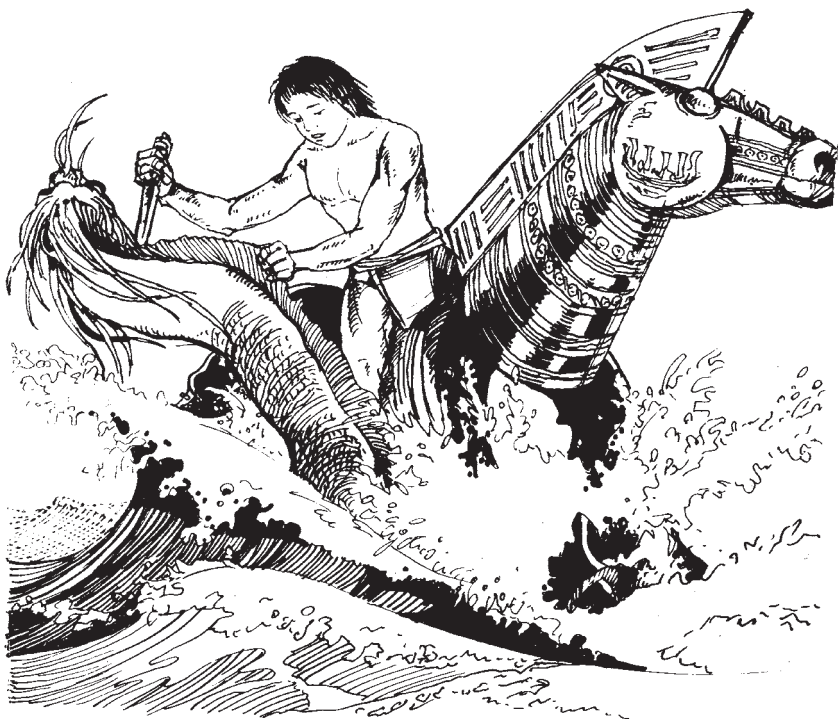


Bên cạnh công trừ giặc Ân, nhân dân còn gắn thêm công trừ nạn lụt cho Thánh Gióng. Truyền thuyết thường được kể trong các hội Gióng thêm rằng khi ngựa Gióng bay qua sông Hồng, Gióng nhìn xuống và thấy sông cuộn cuộn sóng dữ, hai con thuồng luồng to lớn đang vẫy vùng xô nước tràn bờ.



Giữa những cơn sóng phủ phàng là mẹ Gióng đang ngụp lặn, tuyệt vọng, Gióng lao xuống diệt thường luồng, cứu mẹ, giúp dân trừ nạn lụt.

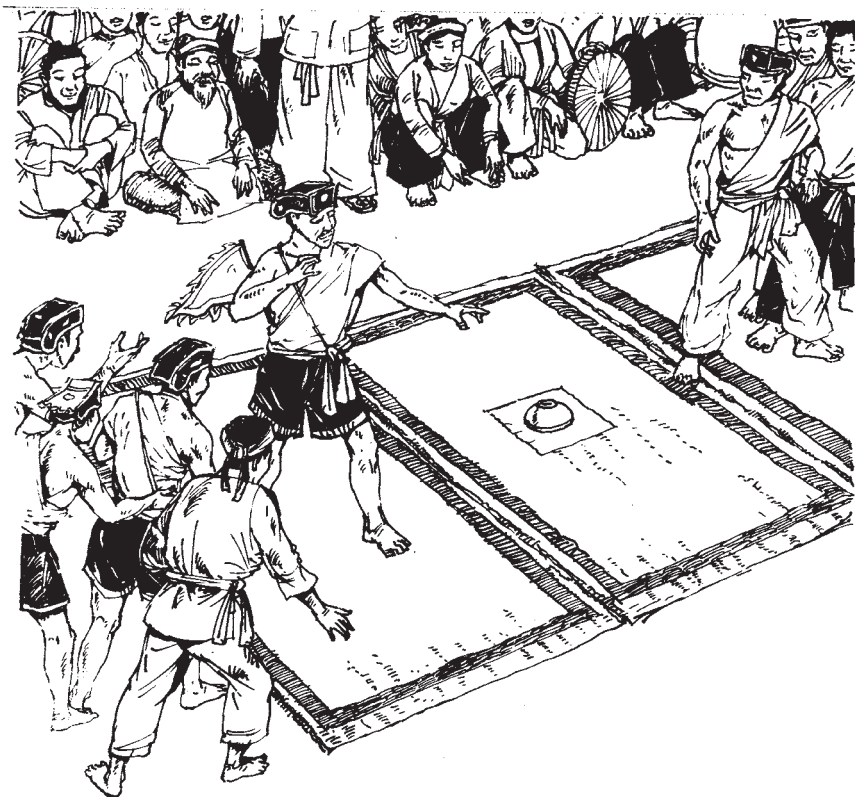
Gióng luôn luôn là hình ảnh người anh hùng chống ngoại xâm đầu tiên của nước nhà, là ước mơ, là niềm tự hào của dân tộc Việt. Dân chúng đã thờ Gióng ngay trong vườn nhà, nơi Gióng đã trải qua thời thơ ấu khác thường của mình.



Hàng năm, nhân dân tổ chức ngày hội để nhớ ơn Gióng vào ngày mồng chín tháng tư âm lịch.

Hội Gióng được tổ chức ở nhiều nơi, như tại Sóc Sơn, nơi Gióng từ biệt ra đi, hay tại Đông Bộ Đầu (Hà Nội) nơi Gióng được thờ làm Thành hoàng, nhưng long trọng nhất là tại làng Phù Đổng, quê hương Gióng.





Từ ngày mồng bảy, mâm cỗ gồm có com và cà, được rước lên đền Thượng. Đến mồng chín mới là ngày chính Hội. Hôm ấy, sự tích Thánh Gióng được diễn lại bằng những hình ảnh tượng trưng rất sinh động. Mọi người chia ra hai phe, một bên là quân của Gióng, một bên là giặc Ân, ba chiếc chiếu được trải ra giữa sân tượng trưng cho cánh đồng, trên chiếu có một chiếc tô úp trên một tờ giấy, tô là đồi núi, giấy là mây trắng.

Người cầm đầu phe của Gióng, được gọi là ông Hiệu, cầm cờ lệnh phát lên. Từ trong cờ bay ra hàng ngàn mảnh giấy nhỏ sắc sỡ, dân chúng xô nhau cướp cho được một mẩu giấy để lấy hên. Ông Hiệu tiến lên chiếu ba bước, lấy chân khều cái tô và tờ giấy. Như thế là Gióng đã tiến quân vượt qua mây núi, ông Hiệu lại nhảy lên hai lần, rồi lùi khỏi chiếu. Quân Gióng tràn lên xé chiếu, khi chiếc chiếu thứ ba xé xong, cũng là lúc giặc Ân tan tác.



Thua trận, giặc Ân bị điệu về làng Phù Đổng, quân Gióng cũng kéo về đây để cùng nhau mở tiệc khao quân cho đến tối. Một vở hát chèo do các nghệ nhân điêu luyện vang lên, ca ngợi công ơn của Gióng. Để nhắc nhở mọi người đừng quên ngày Hội, trong dân gian có câu ca:

*“Ai ơi mồng chín tháng tư
Không đi Hội Gióng cũng hư mất đời”.*



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 2
HUYỀN SỬ ĐỜI HÙNG
CON RỒNG CHÁU TIÊN - THÁNH GIÓNG

Trần Bạch Đằng *chủ biên*
Tôn Nữ Quỳnh Trân *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT
Biên tập: CÚC HUONG - LIÊN HUONG
Biên tập tái bản: TÚ UYÊN
Bìa: BIÊN THÙY
Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN
Trình bày: VŨ PHƯỢNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn



Đền Gióng ở Sóc Sơn, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Hằng năm, nhân dân tổ chức ngày hội để nhớ ơn Gióng vào ngày mồng chín tháng tư âm lịch. Hội Gióng được tổ chức ở nhiều nơi, như tại Sóc Sơn, nơi Gióng từ biệt ra đi, hay tại Đông Bộ Đầu (Hà Tây) nơi Gióng được thờ làm Thành hoàng nhưng long trọng nhất là tại làng Phù Đồng, quê hương Gióng.



Hình tượng Thánh Gióng phá giặc Ân trong tranh dân gian